TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ST** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04/2025/QĐST-HNGĐ	*ST, ngày 14 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị A, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn ĐT, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Đinh Văn V, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn ĐT, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách Xã hội; địa chỉ trụ sở: Số 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quốc V – Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS, ngày 19-9-2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Người được ủy quyền lại: Bà Đinh Thị Hải T – Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, theo Quyết định số 24/QĐ-PGD, ngày 31-3-2023 của Phó Giám đốc Phụ trách Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị A và anh Đinh Văn V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Đinh Thị A và anh Đinh Văn V có 02 (hai) con chung là cháu Đinh Thị Hiếu H, sinh ngày 24-11-2016 và cháu Đinh Nhân Đ, sinh ngày 12-10-2020, hiện nay cháu H, cháu Đ đang sống cùng với chị A. Khi ly hôn, chị A và anh V thỏa thuận giao con chung cháu H, cháu Đ cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Đinh Thị A và anh Đinh Văn V đều trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Đinh Thị A và anh Đinh Văn V thống nhất có vay của Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi tổng số tiền 110.000.000 đồng *(một trăm mười triệu đồng)*. Chị Đinh Thị A và anh Đinh Văn V thống nhất thỏa thuận chị A có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng)* chương trình hộ thoát nghèo; anh V có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST tổng cộng là 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)*. Trong đó, 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)* chương trình nước sạch vệ sinh môi trường và 40.000.000 đồng *(bốn mươi triệu đồng)* chương trình giải quyết việc làm.

- Về án phí: Chị Đinh Thị A và anh Đinh Văn V thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, chị A và anh V đã có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí hợp lệ.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Huyện ST;
- Chi cục THADS huyện ST;
- UBND xã SD, huyện ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Văn Bim